

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 03 năm 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Hùng Dũng và ông Võ Tấn Phước

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 365/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Hứa Thanh Đ**, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà V quen biết trên tinh thần tự nguyện có thời gian tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống vợ chồng, **có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 08/03/2022**. Thời gian sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; vợ chồng không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa; cuộc sống hôn nhân không thể nào hàn gắn được; đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên ông cương quyết yêu cầu ly hôn với bà V.

Ông Đ xác định: **Hiện nay bà V không có đang mang thai; không sinh con và không đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; và cũng không thuộc trường hợp đã sinh con nhưng con chết trong khoảng thời gian dưới 12 tháng tuổi kể từ khi sinh con;**

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến trình bày của bị đơn bà V:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Đ quen biết trên tinh thần tự nguyện có thời gian tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống vợ chồng, **có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 08/03/2022.** Quá trình sống chung vợ chồng không mâu thuẫn; nay bà còn tình cảm với Đ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà V.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; kết quả tranh luận, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ông Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà V, đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Ông Đ và bà V tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, được hai bên đương sự thừa nhận, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông Đ và bà V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3.2] Theo ông Đ, quá trình chung sống vợ chồng thì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; cuộc sống hôn nhân thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được; ông không còn tình cảm vợ chồng với bà V nữa nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn với bà V.

[3.3] Còn phía bà V xác định: Quá trình sống chung vợ chồng không mâu thuẫn; nay bà còn tình cảm với Đ nên không đồng ý ly hôn.

[3.4] Hội đồng xét xử - Xét thấy, hôn nhân phải xây dựng trên nền tảng tình cảm và tình cảm phải xuất phát từ hai phía; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặt khác hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên. Bà V không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án hàn gắn đoàn tụ nhằm cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Ông Đ xác định không thể tiếp tục chung sống, cũng như không còn tình cảm với bà V và cương quyết yêu cầu được ly hôn chứng tỏ sự rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của cả hai không có khả năng hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được. Và việc hàn gắn đoàn tụ phải trên cơ sở tự nguyện phải xuất phát từ cả hai phía. Như vậy việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Từ phân tích, căn cứ **Điều 56** Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ, cho ông Đ được ly hôn với bà V.

[4] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Đ và bà V thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đ phải chịu 300.000đ.

[9] Chấp nhận toàn bộ đề nghị của kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hứa Thanh Đ đối với bà Nguyễn Thị Thúy V. Cho ông Hứa Thanh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy V.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Hứa Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng.

Ông Hứa Thanh Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005828 ngày 18/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hoàn Bình;
- CCTHADS huyện Hòa Bình;
- Ủy ban nhân dân nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng